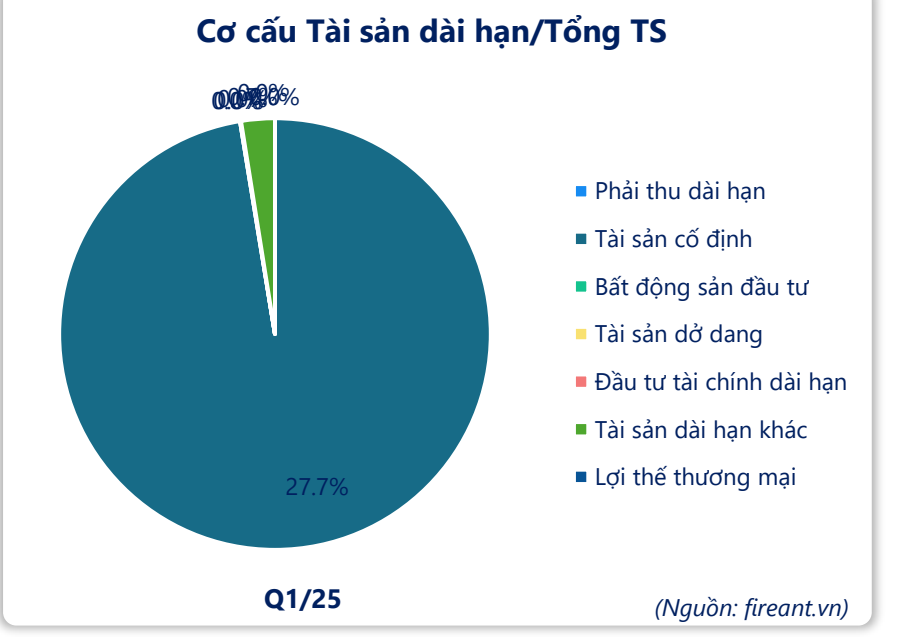
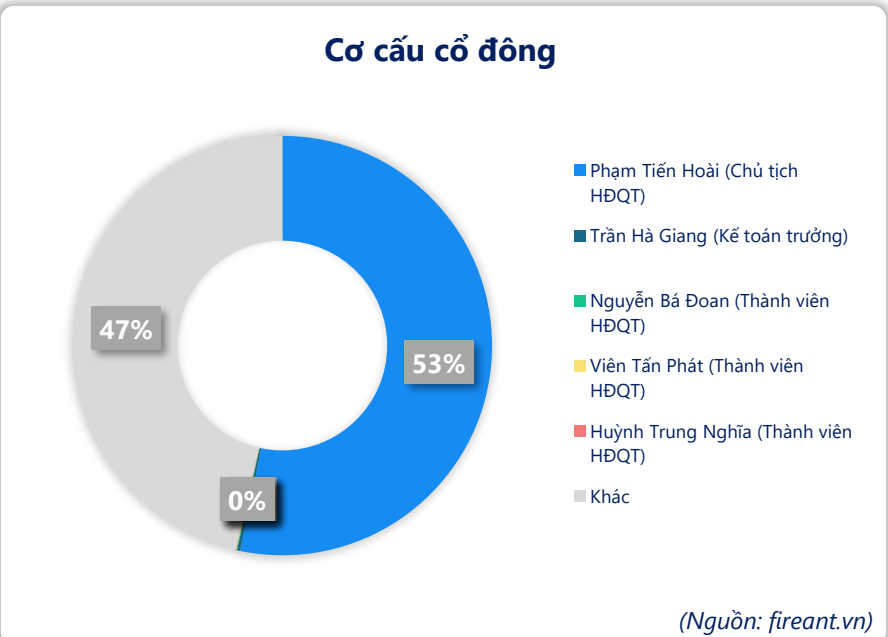
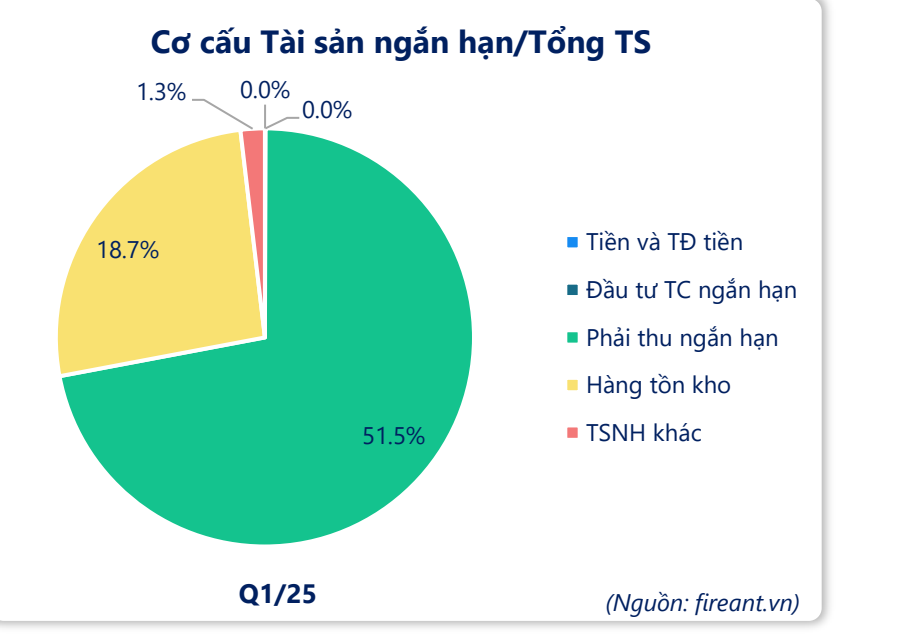
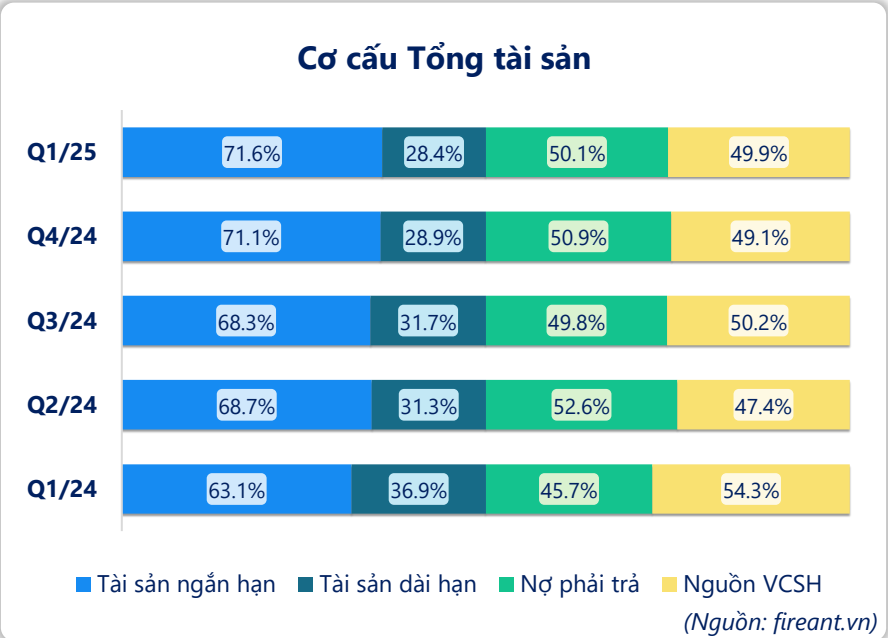
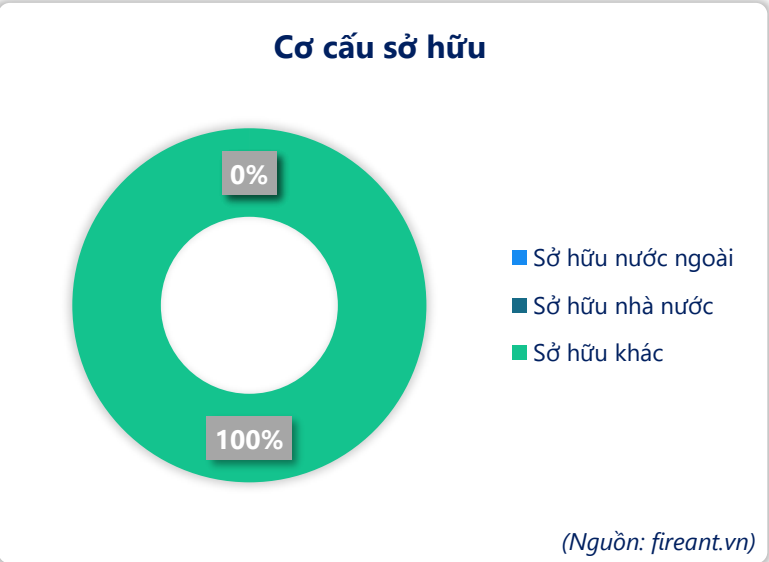
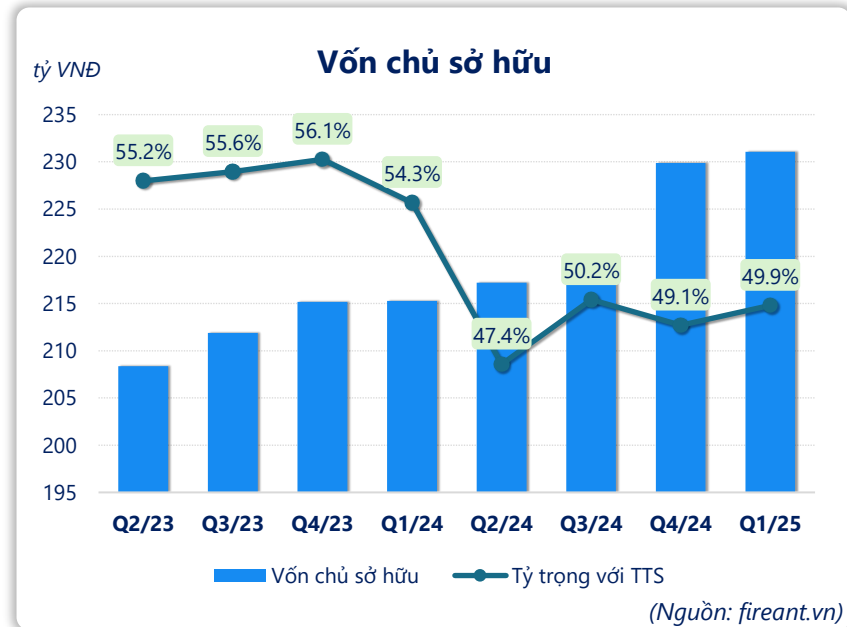
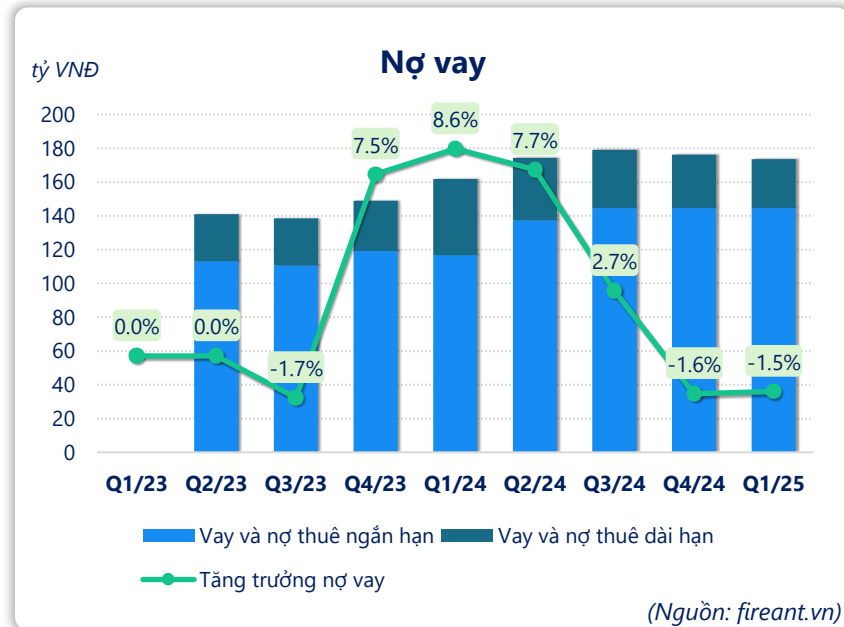
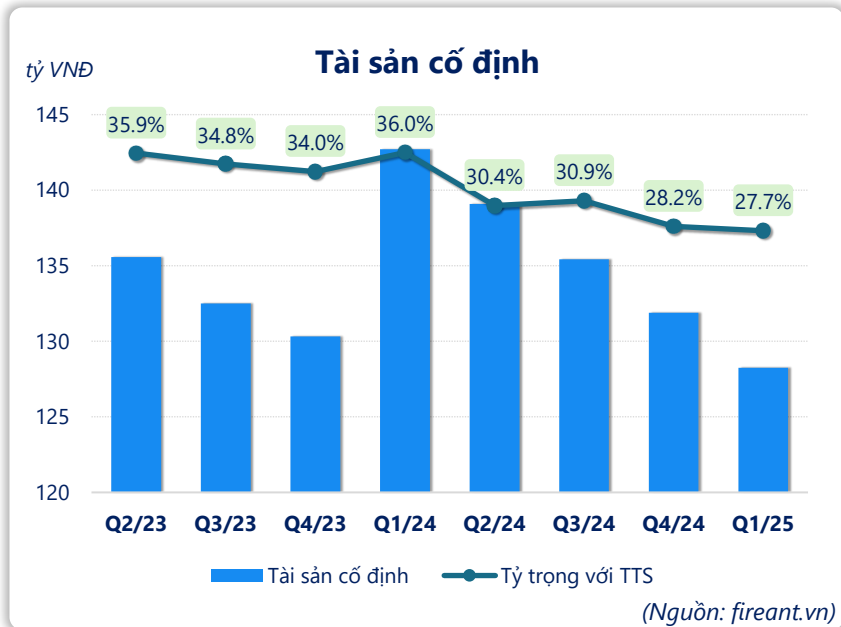
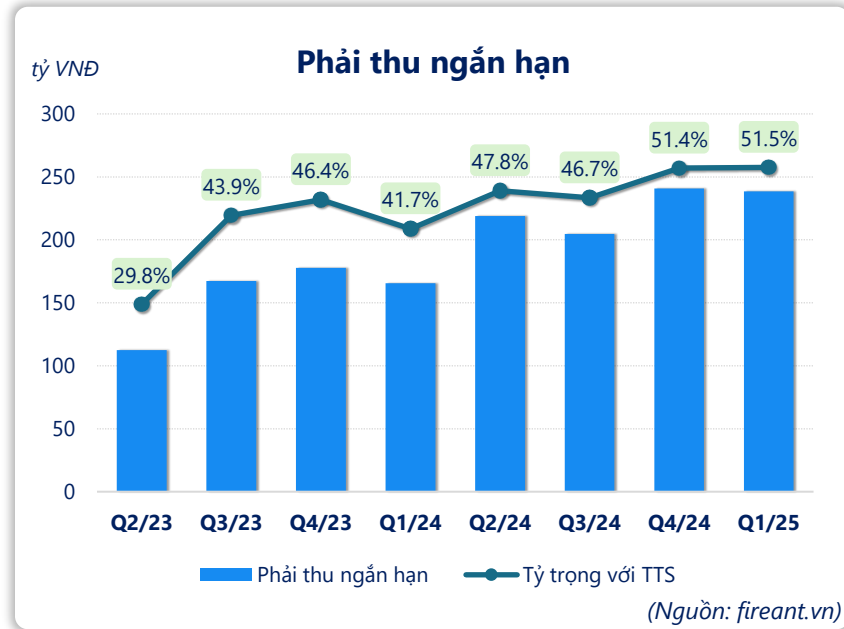
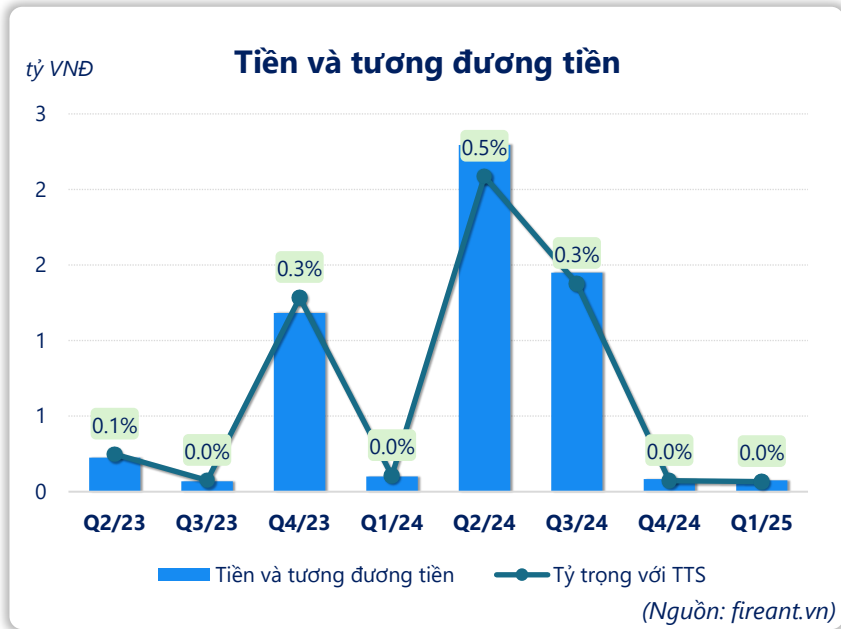
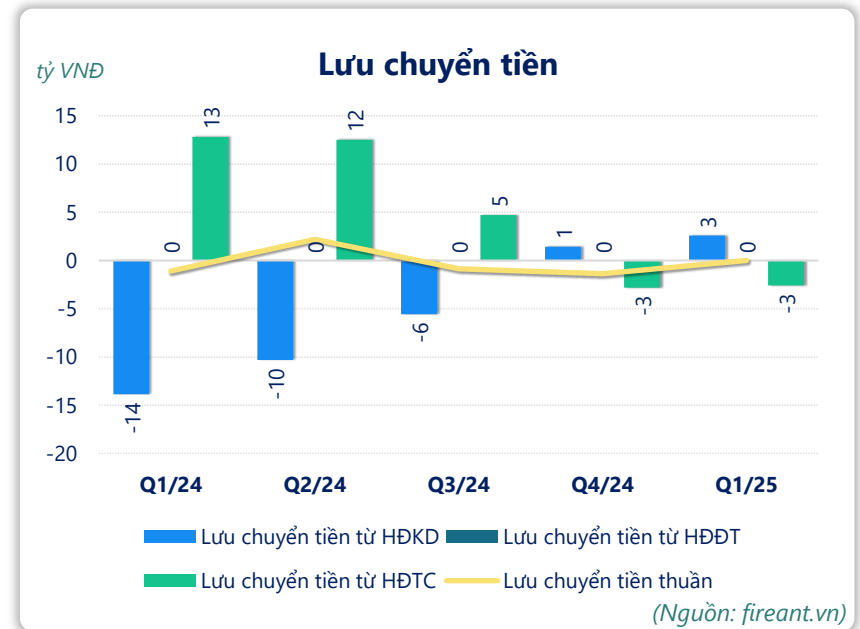
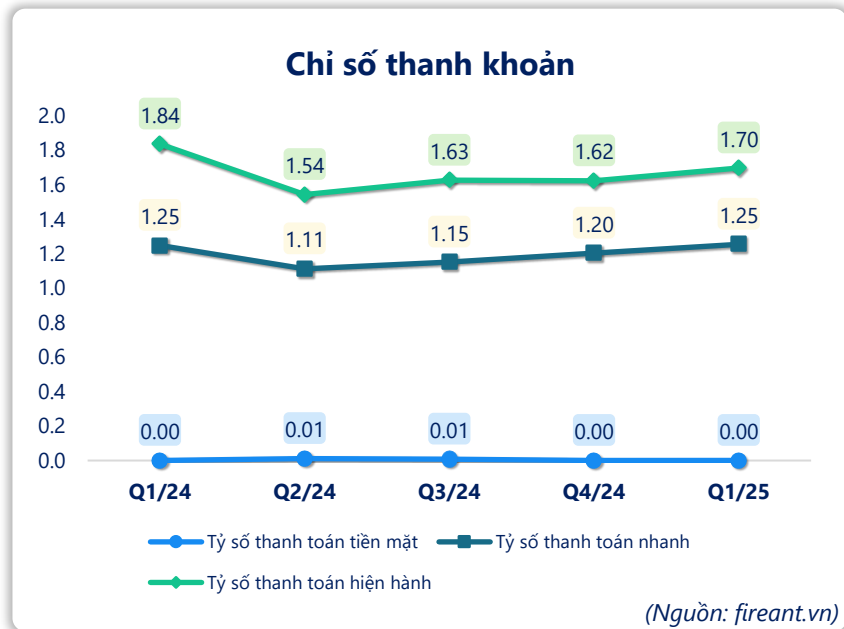
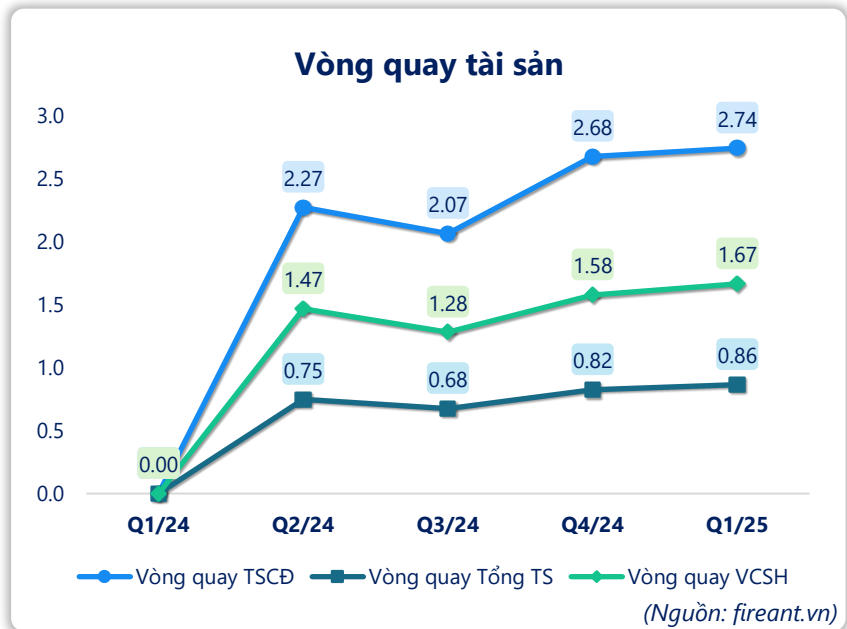
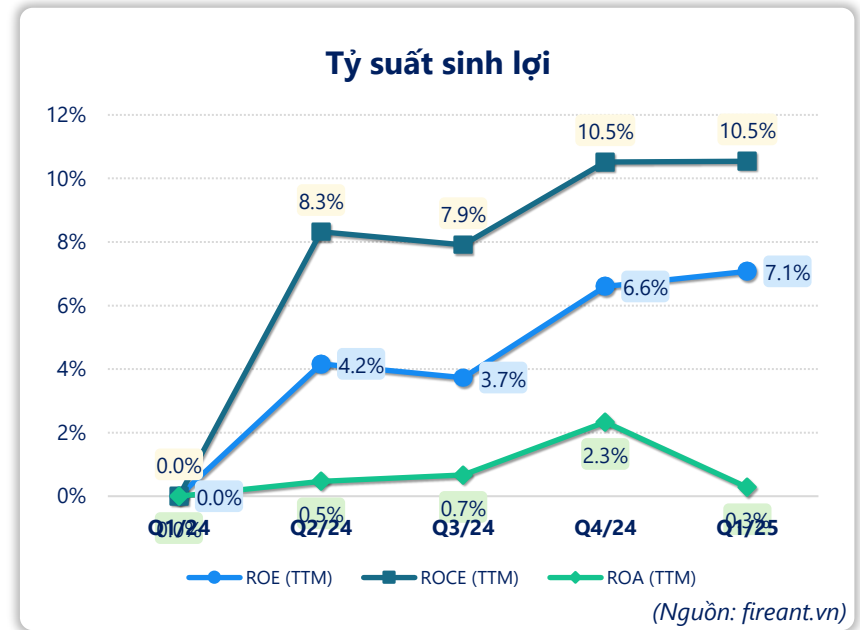
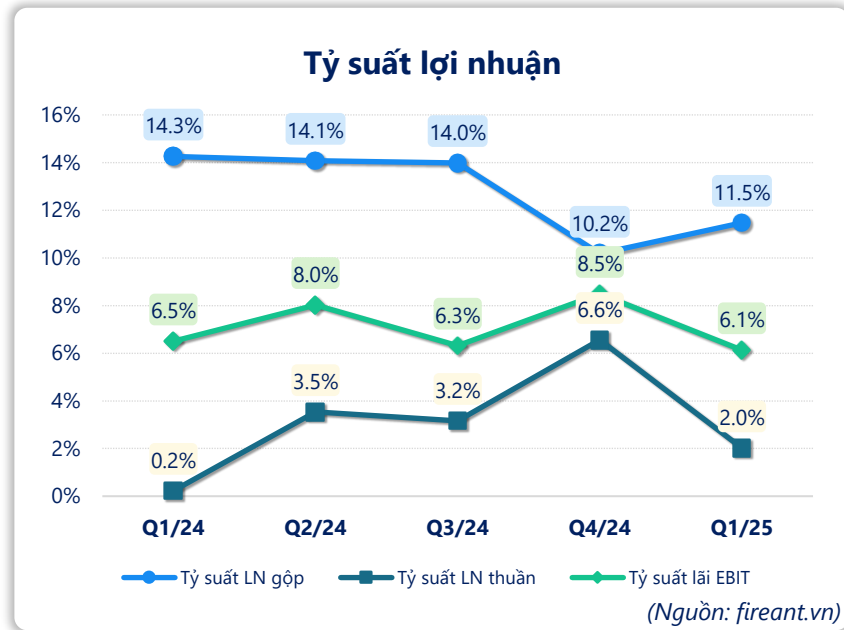
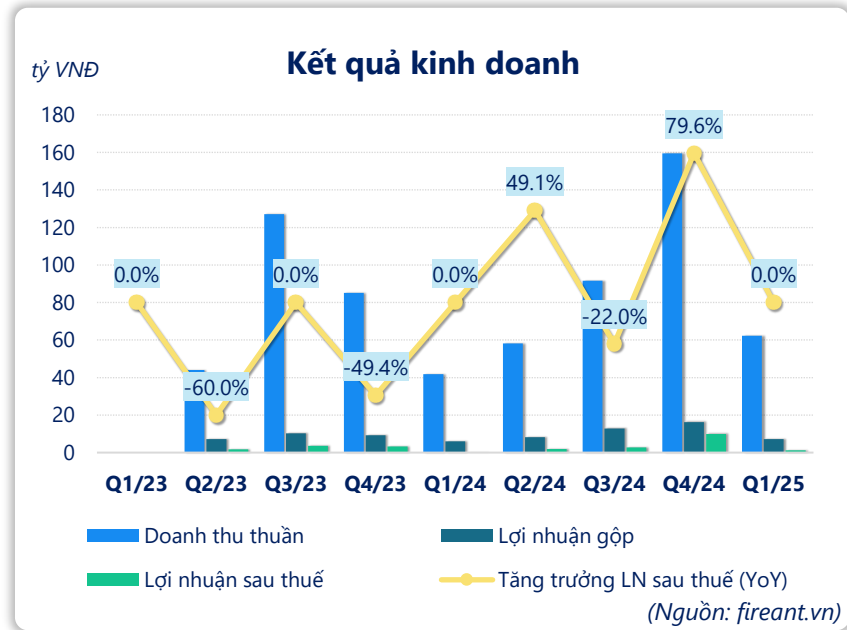


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,300
SL cổ phiếu LH		20,545,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)		94,065
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		138
P/E		8.7
EPS		769

	YTD	1T	3T	6T
TT6	-24.7%	-2.9%	-10.7%	-24.7%
VNINDEX	2.9%	-1.5%	4.3%	5.2%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	463	468	-1.2%
Tài sản ngắn hạn	331	333	-0.5%
Tiền và tương đương tiền	0.07	0.08	-10.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.11	0.11	0.0%
Phải thu ngắn hạn	238	241	-0.9%
Hàng tồn kho	86.4	86.2	0.3%
Tài sản ngắn hạn khác	6.21	5.98	3.9%
Tài sản dài hạn	132	135	-2.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	128	132	-2.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.09	0.09	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.32	3.41	-2.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	232	238	-2.8%
Nợ ngắn hạn	195	205	-4.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	145	145	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.2	13.1	-14.5%
Nợ dài hạn	36.6	33.3	10.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	29.0	31.7	-8.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	231	230	0.5%
Vốn chủ sở hữu	231	230	0.5%
Vốn điều lệ	205	205	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	41.8	58.2	91.6	159	62.4
Giá vốn hàng bán	35.8	50.0	78.8	143	55.2
Lợi nhuận gộp	5.96	8.19	12.8	16.2	7.16
Doanh thu HĐTC	0.30	0.18	0.16	0.34	0.16
Chi phí TC	2.75	2.64	3.33	3.13	2.68
Chi phí lãi vay	2.63	2.62	2.92	3.09	2.57
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.36	1.66	2.98	1.40	0.96
Chi phí QLDN	2.05	2.03	3.76	1.57	2.42
LN thuần từ HĐKD	0.10	2.06	2.90	10.5	1.26
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.01	-0.02	0.00	0.00
LN trước thuế	0.09	2.05	2.87	10.5	1.26
Lợi nhuận sau thuế	0.09	1.94	2.73	9.93	1.19
LNST của CĐ cty mẹ	0.09	1.94	2.73	9.93	1.19

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-13.9	-10.3	-5.55	1.44	2.59
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	12.8	12.5	4.71	-2.80	-2.60
Tiền đầu kỳ	1.18	0.10	2.29	1.45	0.08
Lưu chuyển tiền thuần	-1.08	2.19	-0.84	-1.37	-0.01
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	0.10	2.29	1.45	0.08	0.07

(Nguồn: fireant.vn)